

Bản án số: 328/2020/DSPT

Ngày: 18/8/2020.

V/v: T/c thừa kế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: **Nguyễn Quốc Thái**

Các Thẩm phán:

Bà **Nguyễn Thu Hồng**

Ông **Trương Chí Anh**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Mạnh Tuấn** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Ngô Phương Liên** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 01 năm 2020. về việc “Tranh chấp thừa kế”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2019/DS-ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.O, tp Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 299/2020/QĐPT- DS ngày 12 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **N.T.V**, sinh năm 1956.(tên gọi khác: N.T.H)

Địa chỉ: tổ 6, phường C.S, thành phố S.L, tỉnh S.L.

+ Người đại diện uỷ quyền của bà N.T.V:

Anh Đ.C.C, sinh năm 1985.(Con bà V)

Ông Vũ Đức T – luật sư Văn phòng Luật sư T L Hà Nội.

Địa chỉ: số 486, đường L.D, phường C.S, thành phố S.L, tỉnh S.L.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N.T.V: Ông Vũ Đức T – luật sư Văn phòng Luật sư T L Hà Nội.

Địa chỉ: số 486, đường L.D, phường C.S, thành phố S.L, tỉnh S.L.

- **Bị đơn:** Bà **N.T.H**, sinh năm 1950.

Địa chỉ: xóm L.T, thôn B, xã C V, huyện T.O, TP.Hà Nội

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông N.Đ.B, sinh năm 1950(chồng bà H);
2. Anh N.Đ.T, sinh năm 1977.
3. Chị N.T.N, sinh năm 1981.
4. Cháu N.T.Q.A, sinh năm 2003;
5. Cháu N.H.K.A, sinh năm 2007.
6. Cháu N.Đ.V, sinh năm 2009;

Anh T- Chị N là đại diện theo pháp luật cho các con là: Cháu Q A, cháu K A, cháu Đ V.

Cùng địa chỉ: xóm L.T, thôn B, xã C.V, huyện T.O, TP.Hà Nội

7. Anh N.Đ.T, sinh năm 1979(con trai bà H, ông B)

8. Chị N.T.T, sinh năm 1983(vợ anh T)

HKTT: xóm L.T, thôn B, xã C.V, huyện T.O, TP.Hà Nội.

Hiện ở tại: tiểu khu 1, thị trấn Y.C, huyện Y.C, tỉnh S.L.

9. Chị N.T.O, sinh năm 1988(con bà H ông B)

Trú tại: đội 9, T.P, C.P, huyện Y.C, tỉnh S.L.

10. Chị N.T.T, sinh năm 1982(con bà H ông B)

Trú tại: thôn T.L, xã B.H, huyện T.O, tp Hà Nội.

11. Anh Đ.C.C, sinh năm 1985.

Địa chỉ: tổ 6, phường C.S, thành phố S.L, tỉnh S.L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà N.T.V trình bày:

Bà N.T.V có nguyên quán tại thôn B, xã C.V, huyện T.O, thành phố Hà Nội. Bố đẻ bà V là cụ N.V.H mất năm 1972, mẹ đẻ bà V là cụ L.T.H mất năm 2003, bà không nhớ năm sinh của bố mẹ mình mà chỉ nhớ năm mất. Khi còn sống cả hai cụ có khối tài sản là căn nhà cấp 4 trên diện tích đất 1002 m² tọa lạc tại thôn B, xã C.V, huyện T.O, thành phố Hà Nội. Cả cụ H và cụ H1 chết đều không để lại di chúc. Bố mẹ bà V chỉ sinh được hai người con đẻ là bà N.T.V, sinh năm 1956 và chị gái là bà N.T.H, sinh năm 1950, bố mẹ bà V không có con nuôi, không còn ai để cấp dưỡng, phụng dưỡng. Năm 1972 cụ H chết không để lại di chúc và chưa chia di sản cho vợ, con. Năm 1972 bà V đi làm công nhân trên S.L rồi ở lại S.L định cư cho đến nay. Còn mẹ bà là cụ H1 ở với bà N.T.H, năm 1976 bà H lấy chồng là ông N.Đ.B và ông B ở rể tại nhà đất của cụ Hiền. Do căn nhà cũ dột nát nên năm 1982 gia đình bà H phá bỏ ngôi nhà cũ đi xây căn nhà cấp 4 ba gian để ở. Đồng thời ông B, bà H cùng các con là N.V.T, N.T.N, N.V.T1(tên gọi khác là Nguyễn Xuân T), N.T.C, N.T.O, N.T.T đã cải tạo toàn bộ thửa đất để sử dụng. Năm 2011 vợ chồng Anh T, Chị N cùng ông B, bà H đã xây dựng 01 căn nhà 03 tầng kiên cố trên thửa

đất để ở, quá trình xây dựng gia đình bà H không ai thông tin hay hỏi ý kiến bà V về việc này, sau khi xây dựng xong bà V về quê mới biết. Bà đi công tác xa thỉnh thoảng bà có về thăm quê hương vào các dịp giỗ, tết.

Năm 2013 bà V có đơn khởi kiện chia toàn bộ di sản thừa kế của bố mẹ bà là cụ N.V.H và cụ L.T.Hgòn di sản thừa kế là thửa đất số 49, tờ bản đồ số 09, diện tích 1002 m², thuộc thôn B, xã C.V, huyện T.O, thành phố Hà Nội, vụ án đã được Tòa án huyện T.O thụ lý giải quyết. Tại bản án số 02/2014/DS-ST, ngày 31/03/2014 Tòa án nhân dân huyện T.O, thành phố Hà Nội đã đưa vụ án ra xét xử xác định toàn bộ nội dung vụ án như bà V trình bày là đúng sự thật. Tuy nhiên do cụ H chết từ năm 1972 không để lại di chúc nên đã hết thời hiệu yêu cầu chia thừa kế đối với phần di sản của cụ Hợp. Đối với phần di sản của cụ H1 còn thời hiệu thì chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế của bà V, xác định phần di sản của cụ H1 là $\frac{1}{2}$ thửa đất = 501m² và chia chia cho bà V được hưởng 200m² đất. Đối với phần di sản của cụ Hdo hết thời hiệu yêu cầu chia thừa kế nên bà V yêu cầu được giao quyền quản lý di sản, nhưng Tòa án không chấp nhận và quyết định đình chỉ yêu cầu này của bà V. Do vậy bà V đã kháng cáo lên cấp phúc thẩm. Ngày 23/07/2014 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xét xử phúc thẩm bản hành Bản án số: 156/2014/DS-PT, xét kháng cáo của bà V và quyết định sửa bản án sơ thẩm số 02/2014/DS-ST, ngày 31/03/2014 của Tòa án nhân dân huyện T.O, trong đó giữ nguyên Quyết định chia di sản của cụ H1 cho bà V và bà H. Sửa phần di sản của cụ Hợp, cụ thể bản án “*Tạm giao cho bà H tiếp tục quản lý phần di sản của cụ Hợp*”.

Đến nay, bà N.T.V tiếp tục khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế phần di sản của cụ N.V.H theo quy định của pháp luật.

Phía bị đơn bà N.T.H trình bày:

Bố mẹ bà là cụ N.V.H (đã mất năm 1972), cụ L.T.H (đã mất năm 2003). Bố mẹ bà sinh được 02 người con gái là Bà N.T.H, sinh năm 1950 và bà N.T.V, sinh năm 1956. Bà V đi công nhân S.L từ năm 1975. Đến năm 1976 bà lấy chồng là ông N.Đ.B, sinh năm 1950 người cùng thôn. Do hoàn cảnh gia đình neo người, Bố đã mất, em gái đi công nhân xa nhà, chỉ còn bà ở lại với mẹ. nên khi bà lấy chồng cùng thôn, mẹ bà là cụ H1 có đặt vấn đề với bố mẹ chồng cho vợ chồng bà về ở rể tại nhà của Bố mẹ bà để tiện chăm sóc mẹ. Sau khi tổ chức cưới xong, vợ chồng bà về ở cùng mẹ bà từ đó đến khi cụ mất. Vợ chồng bà được cụ H1 giao cho quyền quản lý toàn bộ tài sản gồm đất đai nhà cửa và có trách nhiệm lo lắng cho cuộc sống của mẹ bà. Tài sản của bố mẹ gồm 1002m² đất bãi và một ngôi nhà tranh vách đất một gian hai trái tường trát đất, mái lợp dạ. Đến năm 1982 thì vợ chồng bà mới xây dựng được ngôi nhà cấp 4 gồm 4 gian xây gạch mái tre lợp ngói cho chắc chắn để mẹ con cùng ở. Bà V đi công nhân S.L không có trách nhiệm gì với mẹ ở nhà. Đến năm 2003 cụ H1 mất, cũng do vợ chồng bà đứng lên lo liệu mai táng

cho mẹ, đến khi thay cải táng cho mẹ cũng do vợ chồng bà lo liệu, bà V không phải đóng góp gì.

Từ ngày về ở cùng mẹ thì cụ H1 đã giao cho vợ chồng bà trông nom canh tác và nộp thuế cho nhà nước đối với diện tích đất đai của bố mẹ. Năm 2011, bà V có về quê xin bà 50.000.000 đồng và cam kết không hưởng gì đối với di sản của Bố mẹ để lại, gia đình bà phải đi vay mượn để giao tiền cho bà V. Nhưng do chị em tình cảm, gia đình bà không làm giấy tờ chặt chẽ nên bà V đã lật lọng, năm 2013 bà V khởi kiện đòi chia thừa kế di sản của bố mẹ. Toà án đã chia cho bà V 200m² đất trong phần di sản của mẹ bà, còn diện tích 500m² đất của Bố bà do hết thời hiệu Toà án giao cho bà quản lý. Nay bà V lại tiếp tục khởi kiện đòi chia. Quan điểm của bà cũng đồng ý chia cho bà V một phần di sản của Bố bà. Tuy nhiên, đất đai của gia đình do vợ chồng bà sử dụng tôn tạo quản lý mấy chục năm qua, vợ chồng bà cũng lo lắng chăm sóc nuôi dưỡng mẹ chu đáo khi sống cũng như khi cụ mất. Nên bà yêu cầu Toà án phải tính toán công sức thoả đáng cho vợ chồng bà.

Trên phần đất này, năm 2012 gia đình bà có xây dựng ngôi nhà 03 tầng diện tích xây dựng khoảng 250m². Bà yêu cầu ngôi nhà là của gia đình bà nên phải giao lại cho gia đình bà, còn phần đất trống cắt cho bà V tùy theo công sức của bà V.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm ông N.Đ.B, vợ chồng Anh T, chị Ngát, vợ chồng anh T chị Trung đồng ý với quan điểm của bà N.T.H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2019/DSST ngày 29/10/2019 của Toà án nhân dân huyện T.O, tp Hà Nội đã quyết định:

Áp dụng: Áp dụng các điều: 137, 634, 635, 645, 674, 675, 676, 677 Bộ luật dân sự; điều 95, 167, 195, 203 Luật đất đai 2014, điều: 34, 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự và Pháp lệnh về án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của bà N.T.V đối với tài sản đất của cụ N.V.H. Giao bà V được quyền quản lý và sử dụng ngôi nhà cấp 03 xây 03 tầng đổ mái bê tông tại chỗ, tường xây gạch 220 có diện tích 78,3m² x 3 tầng = 234,9m², tại thời điểm định giá và trừ khấu hao sử dụng (năm 2011 đến 2019) 08 năm khấu hao 53%, trên diện tích 146.4m² trong thửa đất số 49, tờ bản đồ số 09 tại Xóm Lũy, thôn B, xã C.V, huyện T.O, Tp Hà Nội có vị trí địa lý như sau:

Phía Đông Bắc giáp đường đi của xóm dài 7,26m

Cạnh phía Tây Bắc giáp đất nhà ông Bảy dài 18,51m

Cạnh phía Đông Nam giáp ngõ đi vào nhà bà H và ông B dài 18.46m

Cạnh phía Nam giáp phần di sản còn lại của cụ H dài 8,52m

Tổng diện tích là 146m². Giới hạn bởi các điểm 1,2,2', 17', 17, 18, 19,1

(có sơ đồ kèm theo)

Buộc bà V phải thanh toán giá trị tài sản trên đất là ngôi nhà xây dựng có diện tích là $234,9m^2 \times 5.393.000đ/m^2 \times 47\%$ giá trị còn lại = 595.403.300 đồng cho bà H và ông B, Anh T, chị Ngát, anh T, chị Chung, chị Thêu, chị Oanh.

Giao cho gia đình bà H tiếp tục quản lý phần di sản còn lại của cụ Hợp.

Kể từ thời điểm án có hiệu lực, người có nghĩa vụ thanh toán mà chậm trả khoản tiền phải thanh toán thì phải chịu lãi xuất cơ bản theo mức lãi xuất của ngân hàng nhà nước quy định, trong thời gian và số tiền chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Bà V không phải chịu án phí chia thừa kế phần di sản được hưởng là $146,4m^2 \text{ đất} \times 3.000.000đ/m^2 = 439.200.000đ$ (bốn trăm ba mươi chín triệu hai trăm ngàn đồng).

Trả lại tiền tạm ứng án phí số tiền 5.700.000đ (Năm triệu bảy trăm ngàn đồng) cho bà V đã nộp theo biên lai thu số: 01717 ngày 04/6/2019.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 25/11/2019 toàn bộ gia đình bà H, ông B, Anh T chị Ngát, chị Thêu kháng cáo bản án. Phía bà V không kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm. Phía bà V không có mặt. Phía gia đình bà H vẫn giữ nguyên ý kiến quản điểm kháng cáo của mình.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu:

- Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các đương sự trong hạn luật định.

Thẩm phán, thư ký thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phía bị đơn đã chấp hành đầy đủ giấy báo gọi của Tòa án, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa phúc thẩm. Phía bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không có mặt, không có lý do chính đáng, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định diện tích 501m² đất là di sản thừa kế của cụ H để lại, hiện nay do bà H đang quản lý. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H đồng ý chia một phần đất cho bà V, bà đề nghị Tòa án chia cho bà V ở phần đất trống chưa có công trình xây dựng, nếu chia đất cho bà V, gia đình bà H sẽ tự nguyện di dời cây cối và một số tài sản là nhà tạm nằm trên phần đất cắt cho bà V, phía bà H không yêu cầu bà V phải thanh toán tiền. Tòa án cấp sơ thẩm cắt đất giao nhà của gia đình bà H cho bà V là không hợp lý. Vì bà V

sinh sống ở S.L, không có nhu cầu nhà ở, trong khi đó gia đình bà H không có chỗ ở nào khác.

Về công sức duy trì bảo quản di sản của bà H: Bà H có công sức trông nom quản lý di sản của cụ H trong gần 50 năm, công sức rất lớn nên cần cắt cho bà H ½ phần di sản của cụ H để lại bằng 250m²; Còn lại 250 m² chia thừa kế cho bà V và bà H. Vì vậy cần chấp nhận câu kháng cáo của bà N.T.H.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn. Tuyên sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao đất cho bà V ở phần đất trống không có các công trình. Giao cho gia đình bà H phần đất có ngôi nhà 03 tầng xây dựng năm 2011, ngôi nhà cấp 4 xây dựng năm 1982 và một số công trình phụ khác...

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1- Về tố tụng:

Vụ án tranh chấp chia thừa kế giữa bà N.T.V và bà N.T.H thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T.O. Tòa án cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng luật tố tụng.

Sau khi xét xử sơ thẩm. Phía nguyên đơn không kháng cáo. Phía bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thuộc gia đình Bị đơn có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Xét đơn kháng cáo của các đương sự trong hạn luật định. Đơn kháng cáo hợp lệ.

Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa ngày 21/7/2020 do một số đương sự vắng mặt. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã ra quyết định hoãn phiên tòa lần 1 số: 413/2020/QĐPT- HPT ngày 21/7/2020 ấn định lịch xét xử vào ngày 28/7/2020. Phía nguyên đơn, người nhận ủy quyền của nguyên đơn cũng như Luật sư của bên nguyên đơn đã được Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giao quyết định hoãn phiên tòa lần 1 số: 413/2020/QĐPT-HPT ngày 21/7/2020 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.(Luật sư của nguyên đơn đồng thời là người nhận ủy quyền của bà V nhận vào ngày 23/7 và Bà N.T.V nhận vào ngày 27/7 Do bưu điện giao); Tại phiên tòa lần 2 ngày 28/7/2020 Phía nguyên đơn và luật sư vắng mặt. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã ra Quyết định hoãn phiên tòa lần 2 số: 424/2020/QĐPT-HPT ngày 28/7/2020 ấn định lịch xét xử vào ngày 18/8/2020. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã ủy thác cho Tòa án nhân dân thành phố S.L tổng đạt các văn bản tố tụng . Người nhận ủy quyền của nguyên đơn và Luật sư của nguyên đơn nhận ngày 10/8/2020 và Bà V nhận ngày 11/8/2020(Do bưu điện giao). Tại phiên tòa ngày 18/8/2020 phía nguyên đơn, Luật sư và là người nhận ủy quyền của bà V vẫn không có mặt. Xét thấy, phía Bị đơn kháng cáo có mặt đầy đủ. Phía nguyên đơn không kháng cáo, nhưng đều vắng mặt. Căn cứ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

2 - Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bà H và gia đình: nhận thấy:

Cụ N.V.H mất năm 1972, và cụ L.T.H mất năm 2003 là vợ chồng hợp pháp. Hai cụ chỉ có hai người con ruột là bà N.T.H, sinh năm 1950 và bà N.T.V, sinh năm 1956. Cụ Hợp, cụ H không có con nuôi và sau khi cụ H chết cụ H cũng không kết hôn với ai khác. Vì vậy, xác định bà N.T.V, và bà N.T.H là những người thừa kế duy nhất của cụ H và cụ Hiền.

Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ N.V.H là năm 1972.

Thời điểm mở thừa kế của cụ L.T.H là năm 2003 (đã mở và đã chia).

Căn cứ lời trình bày của các đương sự; Căn cứ bản án số 156/2014/DS-PT, ngày 23/7/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; Bản án số 02/2014/DS-ST, ngày 31/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện T.O, thành phố Hà Nội cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đủ chứng cứ xác định:

Di sản của cụ H và cụ H là 1002m² đất. Mỗi cụ có 501m² đất. Phần diện tích 501m² đất trong tổng diện tích 1002 tại thửa số 49, tờ bản đồ số 09, xóm Lũy Tiến, thôn B, xã C.V, huyện T.O, thành phố Hà Nội là di sản của cụ L.T.H để lại đã được giải quyết bằng Bản án số 02/2014/DS-ST, ngày 31/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện T.O và Bản án số 156/2014/DS-PT, ngày 23/7/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có hiệu lực pháp luật.

Còn lại 501m² đất là di sản của cụ H chưa giải quyết. Đối với phần di sản của cụ Hợp. Do tại thời điểm chia thừa kế di sản của cụ Hiền, thì phần di sản của cụ H hết thời hiệu, nên Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm đã giao phần di sản của cụ H cho bà H quản lý. Nay do có sự thay đổi về thời hiệu chia thừa kế, nên thời hiệu chia thừa kế của cụ H vẫn còn, bà V tiếp tục khởi kiện chia thừa kế là phù hợp pháp luật và được chấp nhận.

Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ H là năm 1972.

Xác định hàng thừa kế của cụ H hiện còn bà N.T.V và Bà N.T.H.

Xác định di sản của cụ H là diện tích 501m² đất tại: Xóm Lũy, thôn B, xã C.V, huyện T.O, Tp Hà Nội. Có trị giá: 501m² x 4.000.000đồng/m² = 2.004.000.000đồng.

Xem xét hoàn cảnh thực tế của gia đình bà H và bà V có thể giao hiện vật cho bà H sử dụng, còn bà H trích trả bà V bằng tiền. Tuy nhiên, tại phiên tòa phía gia đình bà H cho rằng gia đình không có điều kiện thanh toán bằng tiền cho bà V. Mà đề nghị chia thừa kế tài sản bằng hiện vật. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chia di sản bằng hiện vật của bà H.

Hiện trạng diện tích 501m² đất phần di sản của cụ H trong thửa đất số 49, tờ bản đồ số 09, xóm Lũy Tiến, thôn B, xã C.V, huyện T.O, thành phố Hà Nội có tư cảnh như sau:

- Phía đông giáp đất nhà bà H (phần di sản được chia của cụ H1 của bản án trước đã có hiệu lực pháp luật và thi hành án xong) dài 53,80m
- Phía tây giáp nhà ông Bảy và nhà ông Thọ, dài 53,86m.
- Phía bắc giáp đường xóm, rộng 9,24m.
- Phía nam giáp danh ao hợp tác xã, rộng 7,45m.

Phần diện tích đất của cụ H để lại chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do gia đình bà H quản lý từ nhiều chục năm nay. Tuy nhiên, tại phiên toà phía gia đình bà H đồng ý chia cho bà V một phần đất, ở phần đất không có công trình xây dựng kiên cố của gia đình bà H. Nếu có các cây cối hoặc nếu có công trình nhà tạm nào của gia đình bà xây dựng nằm trên phần đất cắt cho bà V thì gia đình bà tự nguyện tháo dỡ, di dời không yêu cầu bà V phải thanh toán tiền tài sản trên đất. Bà H cũng đề nghị xem xét trích công sức cho gia đình bà trong gần 50 năm quản lý tu tạo diện tích đất của các cụ để lại. Yêu cầu của bà H là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trên diện tích đất 501m² của cụ H để lại hiện tại, gia đình bà H đã xây các công trình xây dựng gồm: Ngôi nhà 3 tầng mái đổ bê tông xây dựng năm 2011. Ngôi nhà cấp 4 xây dựng năm 1982. Sân gạch, sân bê tông. Nhà bếp, nhà chăn nuôi nhà vệ sinh giáp ao hợp tác xã. Tất cả các công trình này gia đình bà H ông B xây dựng và đang sử dụng ổn định, ngoài nơi ở này gia đình ông B, bà H và các con cháu không có chỗ ở nào khác. Vì vậy, cấp sơ thẩm chia cho bà V quản lý sử dụng ngôi nhà của gia đình bà H xây dựng và buộc bà V thanh toán bằng tiền cho gia đình bà H là không hợp lý, vì bà V có nhà ở ổn định và định cư ở S.L, không có nhu cầu nhà ở tại đây. Hơn nữa, nếu như cắt phần đất có ngôi nhà 03 tầng cho bà V sử dụng thì việc định giá tài sản của cấp sơ thẩm không chính xác gây thiệt hại cho gia đình bà H. Ngôi nhà 03 tầng xây dựng năm 2011 hoàn thành năm 2012 Hội đồng định giá cấp sơ thẩm khấu hao 53% là không đúng quy định về khấu hao tài sản của nhà nước, gây thiệt hại cho gia đình bà H. Vì vậy cần sửa lại cách chia, khắc phục những sai sót này của cấp sơ thẩm mà vẫn đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự.

Xét về công sức tu tạo tài sản thì gia đình bà H có công sức rất lớn trong việc trông nom, tu tạo thửa đất của cụ H từ năm 1972 cho đến nay là 48 năm. Do vậy, khi chia thừa kế di sản của cụ N.V.H cần phải trích một phần công sức thỏa đáng cho gia đình bà H bằng hiện vật là phần đất là: 1/3 giá trị thửa đất tương đương 170m², còn lại 331m² là di sản của cụ H để chia thừa kế. Tuy nhiên, do phần tài sản gia đình bà H xây dựng nằm trên thửa đất, nên phần đất khi chia thừa kế cắt cho bà V, để đảm bảo thuận tiện cho việc sử dụng đất của bà V, cũng cần cắt một phần đất làm lối đi chung cho hai bên gia đình, lối đi có chiều rộng 2m, chiều dài kéo từ ngoài đường xóm vào trong thửa đất, có diện tích 75m². Còn lại 256m²

chia đôi; Bà V, bà H mỗi người hưởng 128m² đất tương đương giá trị: 512.000.000đồng. Cụ thể:

- Giao cho bà V phần đất giáp ao HTX có diện tích 128m². Trên phần đất cắt giao cho bà V có một số cây cối do bà H trồng, và một phần công trình nhà tạm do gia đình bà H xây dựng. Tại phiên toà phúc thẩm bà H cùng gia đình đồng ý chấp nhận tự di dời, không yêu cầu phía bà V phải thanh toán giá trị. Do đó, gia đình bà H có trách nhiệm di dời các tài sản trên đất để trả lại đất cho bà V.

- Giao cho bà H và gia đình bà H phần đất còn lại là 298m². Trên phần đất giao cho bà H có ngôi nhà 03 tầng, ngôi nhà cấp 4 xây dựng năm 1982 và một số công trình phụ như nhà chăn nuôi, bếp, nhà vệ sinh, bể nước, mái tôn che lối đi. Cùng các cây cối của gia đình bà H.

Về án phí : Theo nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án thì bà N.T.V, bà N.T.H là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 163, 164, 166 bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 6 Điều 11 Pháp lệnh số 10 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Nghị Quyết 326 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

- Chấp nhận đơn kháng cáo của gia đình bà N.T.H.
- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2019/DS-ST ngày 29/10/2019 của Toà án nhân dân huyện T.O. Cụ thể:

Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ N.V.H là năm 1972.

Xác định hàng thừa kế của cụ H là bà N.T.H và bà N.T.V.

Xác định di sản thừa kế của cụ H là: 501m² đất tại xóm Lũy Tiến, thôn B, xã C.V, huyện T.O, tp Hà Nội. Trị giá 2.004.000.000 đồng.(Hai tỷ, không trăm linh bốn triệu đồng)

Trích công sức quản lý tu tạo đối với thửa đất trong thời gian 48 năm của gia đình bà H, ông B là: 170m²m²

Diện tích đất còn lại là: 331m² là di sản thừa kế của cụ H chia cho bà H và bà V.

Giành 75m² đất làm lối đi chung cho Bà H và bà V có chiều rộng 2m, dài 37,45m được giới hạn bởi các điểm B, C, 3, D, B(có sơ đồ kèm theo)

Còn lại 256m² chia cho bà V, bà H mỗi người: 128m².

Giao cho Bà V phần đất có diện tích: 128m² giáp ao HTX được giới hạn bởi các điểm 4, 5, 6, 7, A, C, 4(có sơ đồ kèm theo);

Giao cho bà H và gia đình ông B bà H và các con: 298m2 đất phần đất còn lại, trên có các công trình nhà ở, công trình chăn nuôi, công trình phụ, bể nước, cây cối... do gia đình bà H tạo dựng được giới hạn bởi các điểm: 1, 2, D, B, A, 8, 9, 10, 11, 1(có sơ đồ kèm theo).

Trên phần đất giao cho bà V có một số cây cối do gia đình bà H trồng, gia đình bà H có trách nhiệm di chuyển khỏi phần đất của bà V để trả lại đất cho bà V.

Sơ đồ phần đất chia cho các bên đương sự có sơ đồ kèm theo bản án.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí cho bà N.T.H, bà N.T.V.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà H, ông B, Anh T, chị Ngát, chị Thêu không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả lại Anh T, chị Ngát, chị Thêu mỗi người 300.000đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai số AA/2012/ 01895; AA/2012/ 01896; AA/2012/ 01897 ngày 26/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.O, thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành án thì phải chịu khoản lãi suất của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thoả thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Toà án nhân dân huyện T.O;
- Chi cục THADS huyện T.O;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quốc Thái